

Số: 16/CBTT-VFC

Hà Nội, ngày 19 tháng 7 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT (sau đây gọi là “**Công ty**”)

Trụ sở chính: Tầng 11, tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, phường Điện Biên, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 3941 0715

Fax: 024 3941 0716

Người thực hiện công bố thông tin: **Nguyễn Thị Minh Hạnh** – người đại diện theo ủy quyền

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, phường Điện Biên, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 3941 0715

Fax: 024 3941 0716

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung công bố thông tin: **Báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2021.**

Nội dung công bố thông tin này đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn: <http://vietcat.com/invertor-relationship.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người thực hiện công bố thông tin



Nguyễn Thị Minh Hạnh

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát

Tầng 11, Toà Nhà Doji Tower, Số 05 Lê Duẩn, Phường Điện Biên, Hà Nội



MỤC LỤC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021
1	2	3	4	5
TÀI SẢN				
A. Tài sản ngắn hạn (100 = 110+120+130+140+150)	100		28,477,374,405	25,999,442,423
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		26,792,569,249	10,100,846,661
1. Tiền	111		7,792,569,249	7,800,846,661
2. Các khoản tương đương tiền	112		19,000,000,000	2,300,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		666,412	15,400,624,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		666,412	666,412
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	(42,412)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			15,400,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,642,725,917	484,802,615
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		1,614,989,042	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		8,400,000	10,423,075
3. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134		19,336,875	19,300,499
4. Phải thu ngắn hạn khác	136			463,479,041
5. Dự phòng cá khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(8,400,000)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		41,412,827	13,169,147
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2,941,264	13,169,147
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		38,471,563	
B - Tài sản dài hạn (200 = 210+220+250+260)	200		631,467,659	2,950,632,943
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		(8,442,412)	75,114,000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		(8,442,412)	
Các khoản phải thu dài hạn			75,114,000	75,114,000
Phải thu nội bộ dài hạn				
Phải thu dài hạn khác			75,114,000	75,114,000
II. Tài sản cố định	220		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221		-	-
- Nguyên giá	222		169,467,449	169,467,449
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(169,467,449)	(169,467,449)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		40,950,000	40,950,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(40,950,000)	(40,950,000)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	2,874,230,318
1. Đầu tư dài hạn khác	258		-	2,900,000,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259			(25,769,682)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		564,796,071	1,288,625
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		564,796,071	1,288,625
Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)	270		29,108,842,064	28,950,075,366

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

NGUỒN VỐN				
A. Nợ phải trả (300 = 310 + 330)	300		2,877,580,302	3,155,058,472
I. Nợ ngắn hạn	310		2,877,580,302	3,155,058,472
1. Phải trả người bán	311		167,233,000	32,834,900
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312			2,900,000,000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		2,587,015,258	120,656,288
4. Phải trả người lao động	315		1,000,000	
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	316		-	22,500,000
6. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		122,332,044	79,067,284
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
B. Vốn chủ sở hữu (400 = 410 + 430)	400		26,231,261,762	25,795,016,894
Vốn chủ sở hữu	410		25,079,501,692	25,795,016,894
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		25,000,000,000	25,000,000,000
Quỹ dự phòng tài chính	415		39,750,846	39,750,846
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	418		39,750,846	39,750,846
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1,151,760,070	715,515,202
LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		715,515,201	579,021,568
LNST chưa phân phối đến cuối kỳ này	421b		436,244,869	136,493,634
Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)	440		29,108,842,064	28,950,075,366

(Tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021
1	2	3		
Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	006		6	60,000
Chứng khoán giao dịch	007		6	60,000
Chứng khoán chưa lưu ký của công ty quản lý quỹ	020			
Tiền gửi của Nhà đầu tư ủy thác	030		896,452,739	22,317,314,883
- Tiền gửi của Nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		896,452,739	22,317,314,883
- Tiền gửi của Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	032			
Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040		900,385,350,100	1,130,491,439,200
Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		900,385,350,100	1,130,491,439,200
Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài				
Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050		2,100,000	13,102,100,000
Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	060		45,606,126,156	42,345,173

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2021

Người lập

Kế Toán Trưởng

Đại Diện Công Ty

Nguyễn Chanh Huyền

Chu Thị Kim Oanh



Đào Thị Thanh Trà

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
Doanh thu hoạt động kinh doanh	01		1,500,015,788	26,115,198	3,000,036,376	54,167,956
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01 - 02)	10		1,500,015,788	26,115,198	3,000,036,376	54,167,956
Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11		93,333,333	-	93,333,333	-
Lợi nhuận gộp của HĐKD (20 = 10 - 11)	20		1,406,682,455	26,115,198	2,906,703,043	54,167,956
Doanh thu hoạt động tài chính	21		168,177,177	101,587,253	625,903,112	313,749,136
Chi phí tài chính	22		-	-	25,769,682	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	24		1,154,033,187	446,350,612	2,394,953,870	1,014,380,648
Lợi nhuận thuần từ HĐKD (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		420,826,445	(318,648,161)	1,111,882,603	(646,463,556)
Thu nhập khác	31		-	-	-	86
Chi phí khác	32		-	-	-	-
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-	-	-	86
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		420,826,445	(318,648,161)	1,111,882,603	(646,463,470)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		2,390,856	-	2,390,856	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		418,435,589	(318,648,161)	1,109,491,747	(646,463,470)
Lãi trên cổ phiếu	61		1.67	(1.27)	4.44	(2.59)

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2021

Người lập

Kế toán trưởng

Đại Diện Công Ty

Nguyễn Thanh Tuyên

Chu Thị Kim Oanh

Bùi Thị Thanh Trà



BÁO CÁO KẾT QUẢ LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
I	2	3	4	5	6	7
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh						
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1,500,000,000	456,500,000	1,500,000,000	752,868,219
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02		(794,422,210)	(278,951,000)	(903,104,322)	(92,171,270)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1,356,559,997)	0	(1,734,858,170)	(633,072,000)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(2,390,856)		(42,390,856)	
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		4,600,766,887	145,996,934	20,000,766,887	2,745,996,934
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(2,210,759,446)	(144,445,908)	(2,368,448,719)	(251,987,473)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD	20		1,736,634,378	179,100,026	16,451,964,820	2,521,634,410
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư						
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21					
2. Thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TS dài hạn khác	22					
3. Tiền chi cho vay, mua bán các công cụ nợ của đơn vị khác	23					(5,300,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24					5,600,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25					
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26					
7. Tiền thu lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia	27		53,188,135	7,005,060	239,757,768	12,308,039
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		53,188,135	7,005,060	239,757,768	312,308,039
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40					
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		1,789,822,513	186,105,086	16,691,722,588	2,833,942,449
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		25,002,746,736	16,380,413,178	10,100,846,661	13,732,875,815
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngo	61					
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		26,792,569,249	16,566,518,264	26,792,569,249	16,566,818,264

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2021

Người lập

Kế toán trưởng

Đại diện Công ty

Nguyễn Thanh Tuyên

Chu Thị Kim Oanh



Bùi Thị Thanh Trà

Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát

Tầng 11, Toà Nhà Doji Tower, Số 05 Lê Duẩn, Phường Điện Biên, Hà Nội (Ban hành theo TT số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Điện thoại: 024 - 39410715

Fax.: 024 - 39410716

Mẫu số B 09a-CTQ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý II năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Quyết định cấp giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 28/UBCK-GP ngày 25/01/2008 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Tầng 11, Toà Nhà Doji Tower, Số 05 Lê Duẩn, Phường Điện Biên, Hà Nội
Tel: (84-4) 3941 0715 Fax: (84-4) 3941 0716

Vốn điều lệ theo Giấy phép điều chỉnh của Công ty là: **25.000.000.000 VND** (Hai mươi lăm tỷ đồng Việt Nam). Tương đương với 2.500.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND, không có cổ phần ưu đãi. Các cổ đông sáng lập góp vốn mua cổ phần của Công ty và đến ngày 30/09/2015 đã hoàn thành 100%.

2. Lĩnh vực kinh doanh, ngành nghề kinh doanh:

Theo Quyết định cấp giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 28/UBCK-GP ngày 25/01/2008 của Ủy Ban chứng khoán Nhà nước cấp, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Kỳ kế toán năm:** bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng tiền Việt Nam (VND).

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác: Các đồng tiền khác phát sinh phải được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, hoặc theo tỷ giá giao dịch liên ngân hàng công bố tại thời điểm phát sinh giao dịch.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Hệ thống kế toán của Công ty được thiết lập trên cơ sở tuân thủ Chế độ Kế toán Công ty Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ Tài Chính và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán:

Công ty cũng áp dụng và tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đã ban hành và có hiệu lực cho kỳ kế toán Quý II năm 2021 và các quy định pháp lý có liên quan trong việc lập và trình bày Báo cáo Tài Chính.

Báo cáo Tài chính Quý II năm 2021 được lập và trình bày tuân thủ các quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 21 " Trình bày báo cáo tài chính" và Chế độ Kế toán áp dụng cho Công ty Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực cho kể từ ngày 01/01/2012.

3. **Hình thức kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát
 Tầng 12, 44 Lê Ngọc Hân, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
 Điện thoại: 024 - 39410715 Fax.: 024 - 39410716

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
			Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước		Kỳ này		Kỳ trước	Kỳ này
					Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A		B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	125051		25,000,000,000	25,000,000,000	-	-	-	-	25,000,000,000	25,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	125052		32,167,866	39,750,846	-	-	-	-	32,167,866	39,750,846
3. Vốn khác của chủ sở hữu	125053		32,167,866	39,750,846	-	-	-	-	32,167,866	39,750,846
4. Cổ phiếu quỹ (*)	125054		-	-	-	-	-	-	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	125055		-	-	-	-	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	125056		-	-	-	-	-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	125057		-	-	-	-	-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	125058		-	-	-	-	-	-	-	-
9. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	125059		-	-	-	-	-	-	-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	125060		579,021,568	715,515,202	-	646,463,470	436,244,868	-	(67,441,902)	1,151,760,070
Cộng	125061		25,643,357,300	25,795,016,894	-	646,463,470	436,244,868	-	24,996,893,830	26,231,261,762

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2021

Người lập

Kế toán trưởng

Đại diện Công ty

jm
 Nguyễn Thanh Tuyên

[Signature]
 Chu Thị Kim Oanh



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2021

Việc lập Báo cáo tài chính năm 2021, Công ty áp dụng Chế độ Kế toán cho Công ty Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán ban hành theo Thông tư số: 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài Chính.

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng (kỳ hạn và không kỳ hạn), tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư được gọi là có tính thanh khoản cao khi thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư ngắn hạn:

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu và các khoản đầu tư khác. Các khoản đầu tư ngắn hạn được phân ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán và dự phòng về tổn thất của các khoản đầu tư khác.

Phương pháp tính trị giá vốn chứng khoán tự doanh, uỷ thác đầu tư bán ra: Bình quân gia quyền động đối với cổ phiếu và Phương pháp đích danh đối với trái phiếu.

3. Phương pháp ghi nhận TSCĐ và khấu hao TSCĐ:

+ Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 03 - Tài sản cố định hữu hình và Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Nguyên giá TSCĐ HH mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

+ Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm: Phần mềm kế toán 1C

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 04 - Tài sản cố định vô hình và Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phân ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình với thời gian khấu hao là 3 năm

4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ kế toán hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây nếu phát sinh trong kỳ kế toán nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Các khoản chi phí trả trước cho tác dụng trong nhiều kỳ kinh doanh.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ tối đa là 03 (ba) năm hoặc 24 (hai mươi tư) tháng.

Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát

Tầng 11, Tòa Nhà Doji Tower, Số 05 Lê Duẩn, Phường Điện Biên, Hà Nội

Điện thoại: 024 - 39410715

Fax.: 024 - 39410716

Mẫu số B 09a-CTQ

(Ban hành theo TT số 125/2011/TT-BTC

ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý II năm 2021

5. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

Doanh thu của Công ty được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty xác định khả năng chắc chắn thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này: khi giao dịch chứng khoán đã thành công, dịch vụ đã cung cấp và chuyển giao phần lớn lợi ích cũng như rủi ro cho khách hàng, được khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán hoặc được khấu trừ vào tiền thu bán chứng khoán của khách hàng.

Giao dịch chứng khoán được coi là thành công khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch khớp lệnh và kết quả thanh toán bù trừ chứng khoán của Trung tâm lưu ký chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết) hay khi thỏa thuận về chuyển giao tài sản theo Hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

+ *Doanh thu quản lý danh mục đầu tư chứng khoán*

Doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán được ghi nhận khi Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư được ký kết, các điều khoản của hợp đồng được các bên thực hiện và nhà ủy thác đầu tư thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán.

Doanh thu ủy thác đầu tư được ghi nhận khi hợp đồng và các điều khoản của hợp đồng ủy thác được cam kết thực hiện, bên nhận ủy thác thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán.

+ *Doanh thu tài chính*

Doanh thu từ hoạt động tự doanh chứng khoán được ghi nhận khi Công ty nhận được bằng chứng về giao dịch chứng khoán thành công và được phản ánh theo giá trị thu về tăng thêm so với giá vốn của chứng khoán đầu tư đem bán.

Doanh thu từ các khoản tiền gửi kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng được ghi nhận theo tháng căn cứ trên các điều khoản của Hợp đồng tiền gửi, không phân biệt khoản tiền gửi đó đã đến thời gian hay chưa đến thời gian đáo hạn Hợp đồng.

Doanh thu từ các hoạt động tài chính khác được ghi nhận tại thời điểm phát sinh doanh thu.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

6. Thuế và các khoản thanh toán ngân sách

+ *Thuế giá trị gia tăng*

Theo Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài Chính ban hành hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính Phủ thì các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán của Công ty thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền:	Số cuối kỳ tại	Số cuối kỳ tại
	ngày 01/01/2021	ngày 30/06/2021
	VND	VND
Tiền mặt	5,285,745	4,570,507,149
Tiền gửi ngân hàng	25,495,560,916	22,222,062,100
+ Tiền	7,795,560,916	3,222,062,100
+ Các khoản tương đương tiền (*)	17,700,000,000	19,000,000,000
Tổng cộng	25,500,846,661	26,792,569,249

(*): Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư tài chính:	Số cuối kỳ tại	Số cuối kỳ tại
	ngày 01/01/2021	ngày 30/06/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	15,400,666,412	666,412
Công ty CP Dược Hậu Giang (1)	666,412	666,412
Đầu tư khác (2)	15,400,000,000	-
Dài hạn	2,874,230,318	-
Các khoản đầu tư khác (3)	2,900,000,000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(25,769,682)	-
Tổng cộng	18,274,896,730	666,412

(1): Khoản đầu tư mua CP của công ty CP Dược Hậu Giang mã chứng khoán DHG, số lượng cổ phiếu tại 30/06/2021 là 06 cổ phiếu

(2) Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 03 tháng tại NHTM CP Tiên Phong

(3) Khoản đầu tư cổ phiếu VINARE, số lượng cổ phần tại ngày 30/06/2021 là 0 cổ phần

3. Phải thu hoạt động nghiệp vụ

	Số cuối kỳ tại	Số cuối kỳ tại
	ngày 01/01/2021	ngày 30/06/2021
	VND	VND
- Đặng Huyền Trang	54,843	61,706
- Đoàn Minh Phượng	18,970,163	18,970,163
- Công ty CP Đường sông miền nam	0	0
- Phạm Xuân Thi	145,833	158,408
Các nhà đầu tư khác	129,660	146,598
Tổng cộng	19,300,499	19,336,875

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4. Các khoản phải thu khác:

	Số cuối kỳ tại ngày 01/01/2021 VND	Số cuối kỳ tại ngày 30/06/2021 VND
+ Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	463,479,041	114,989,042
+ Phải thu khác	-	-
Tổng cộng	463,479,041	114,989,042

5 Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ tại ngày 01/01/2021 VND	Số cuối kỳ tại ngày 30/06/2021 VND
Ngắn hạn		
- Các đối tượng khác		
- Công ty CP CK Tiên Phong	-	1,500,000,000
Dài hạn		
Tổng cộng	-	1,500,000,000

6 Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ tại ngày 01/01/2021 VND	Số cuối kỳ tại ngày 30/06/2021 VND
Ngắn hạn	13,169,147	2,941,264
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	13,169,147	2,941,264
Dài hạn	1,288,625	564,796,071
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	1,288,625	564,796,071
Tổng cộng	14,457,772	567,737,335

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình của Công ty là thiết bị quản lý đã hết hạn khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

8. Tài sản cố định vô hình:

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán

Nguyên giá	40.950.000
Giá trị đã hao mòn	40,950,000
Giá trị còn lại tại ngày 30.06.2021	-

V. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

9 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu nhà nước

	Số cuối kỳ tại ngày 01/01/2021 VND	Số cuối kỳ tại ngày 30/06/2021 VND
- Thuế giá trị gia tăng	670,000	
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1,528,437	(38,471,563)
- Thuế thu nhập cá nhân	118,457,851	2,587,015,258
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	
Thuế và các khoản phải nộp, phải thu nhà nước	120,656,288	2,548,543,695

10 Phải trả người bán

	Số cuối kỳ tại ngày 01/01/2021 VND	Số cuối kỳ tại ngày 30/06/2021 VND
Ngắn hạn		
- Tập đoàn vàng bạc đá quý DOJI	-	134,398,100
- TMCP Tiên Phong	30,900,000	30,900,000
- Công ty TNHH Việt Thăng Long	1,934,900	1,934,900
Dài hạn	-	-
Tổng cộng	32,834,900	167,233,000

11 Doanh thu hoạt động kinh doanh

	Số cuối kỳ tại ngày 01/01/2021 VND	Số cuối kỳ tại ngày 30/06/2021 VND
Phí quản lý danh mục đầu tư	68,151,209	36,376
Doanh thu cung cấp dịch vụ tư vấn	1,200,000,000	3,000,000,000
Tổng cộng	1,268,151,209	3,000,036,376

12 Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán

	Số cuối kỳ tại ngày 01/01/2021 VND	Số cuối kỳ tại ngày 30/06/2021 VND
Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	294,798,084	93,333,333
Tổng cộng	294,798,084	93,333,333

13 Doanh thu hoạt động tài chính

	Số cuối kỳ tại ngày 01/01/2021 VND	Số cuối kỳ tại ngày 30/06/2021 VND
Lãi tiền gửi, lãi tiền gửi cho vay, đầu tư tài chính	846,378,797	625,867,112
Cổ tức, lợi nhuận được chia	36,000	36,000
Tổng cộng	846,414,797	625,903,112

14 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Số cuối kỳ tại ngày 01/01/2021 VND	Số cuối kỳ tại ngày 30/06/2021 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1,117,663,536	1,924,213,836
Chi phí vật liệu quản lý	11,449,185	19,498,358
Thuế, phí và lệ phí	36,118,701	87,520,129
Chi phí dự phòng	8,400,000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	434,086,288	363,721,547
Tổng cộng	1,607,717,710	2,394,953,870

15 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Số cuối kỳ tại ngày 01/01/2021	Số cuối kỳ tại ngày 30/06/2021
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	33,693,702	2,390,856
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
Tổng cộng	33,693,702	2,390,856

16 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Số cuối kỳ tại ngày 01/01/2021	Số cuối kỳ tại ngày 30/06/2021
	VND	VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)		
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	151,659,594	418,435,589
	2,500,000	2,500,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	61	167

17 Thông tin khác

	Số cuối kỳ tại ngày 01/01/2021	Số cuối kỳ tại ngày 30/06/2021
	VND	VND
Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	22,317,314,883	896,452,739
Tổng cộng	22,317,314,883	896,452,739
Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	1,130,491,439,200	900,385,350,100
Tổng cộng	1,130,491,439,200	900,385,350,100
Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	13,102,100,000	2,100,000
Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	42,345,173	45,606,126,156

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2021

Người lập

NT
Nguyễn Thanh Tuyên

Kế toán trưởng

Chu Thị Kim Oanh

Đại diện Công ty



Bùi Thị Thanh Trà